

Số: 64 /2015/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 31 tháng 10 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng**  
**trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ: Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 quy định chi tiết thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;


Căn cứ Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 243/TTr - SNV ngày 15 tháng 10 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Nghệ An”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký, thay thế các Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 18/4/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Quyết 

định số 6059/QĐ-UBND.TĐ ngày 16/11/2009 của UBND tỉnh về việc phân bổ cờ thi đua của Chính phủ, cờ thi đua của UBND tỉnh và quy định tỷ lệ các danh hiệu thi đua và Quyết định số 5266/QĐ-UBND.TĐ ngày 01/12/2011 của UBND tỉnh về việc sửa đổi Quyết định số 6059/QĐ-UBND.TĐ ngày 16/11/2009 của UBND tỉnh về việc phân bổ cờ thi đua.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Hiệu trưởng các Trường Đại học, cao đẳng; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Trưởng ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, các đơn vị thuộc khối thi đua Doanh nghiệp và khối thi đua tổ chức Hội thuộc tỉnh; Các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Ban ĐKT TW;
- Cục Ktra Văn bản, Bộ Tư pháp; (b/c)
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các phó VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTCB tỉnh, TĐ.



**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Đường**

## QUY CHẾ

Về công tác Thi đua, Khen thưởng trên địa bàn tỉnh Nghệ An  
(kèm theo Quyết định số 64/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2015  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, tiêu chuẩn, hồ sơ, trình tự, thủ tục xét các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng đối với tập thể, cá nhân; hoạt động cụm, khối thi đua và Hội đồng Thi đua – Khen thưởng các cấp; việc trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; hiệp y khen thưởng; quyền lợi của tập thể, cá nhân được khen thưởng và việc trích lập, quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tập thể và cá nhân thuộc:
  - a) Các cơ quan Đảng;
  - b) Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh;
  - c) Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
  - d) Các huyện, thành phố, thị xã (gọi tắt là cấp huyện);
  - e) Các Trường Đại học, cao đẳng; đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh;
  - g) Cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh tham gia phong trào thi đua của tỉnh (gọi tắt là cơ quan Trung ương);
  - h) Tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp;
  - i) Tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế có đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Nghệ An;
  - k) Các cá nhân thuộc tỉnh Nghệ An;
2. Tập thể và cá nhân ở các địa phương khác; người Việt Nam làm việc, học tập, định cư ở nước ngoài; người nước ngoài và cơ quan, tổ chức nước ngoài có công lao, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

#### Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua gồm:
  - a) Tự nguyện, tự giác, công khai;
  - b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.
  - c) Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng gồm:

- a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời;
  - b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được;
  - c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng;
  - d) Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu (công nhân, nông dân, chiến sĩ) và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác.
  - e) Khi xét khen thưởng đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.
  - g) Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng có quá trình cống hiến được giảm 03 năm so với quy định chung.
- Đối với khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, khi có nhiều cá nhân, tập thể cũng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.
- h) Thời gian đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước.
  - i) Khen thưởng ngoài giá trị bằng tiền theo quy định có thể thay thế bằng hiện vật hoặc kèm hiện vật có giá trị tương đương.
  - k) Đối với cá nhân trong một năm chỉ đề nghị một hình thức khen thưởng cấp nhà nước hoặc danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc".

3. Không xét, đề nghị khen thưởng (trừ trường hợp có thành tích xuất sắc đột xuất) đối với các trường hợp sau:

- a) Không đăng ký thi đua;
- b) Không tổ chức hoặc không tham gia phong trào thi đua;
- c) Không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo về công tác thi đua, khen thưởng (trừ cá nhân);
- d) Có đơn thư, khiếu nại tố cáo trong thời gian xem xét chờ xử lý; đang trong thời gian bị kỷ luật.

## Chương II

### THI ĐUA VÀ TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA

#### Điều 4. Quy trình tổ chức phong trào thi đua

##### 1. Đăng ký thi đua

Các cơ quan, đơn vị tùy vào cấp quản lý và quy mô hoạt động để tổ chức lễ ký kết giao ước thi đua đồng thời đăng ký mục tiêu, chỉ tiêu thi đua và các danh hiệu thi đua (Khối kinh tế - xã hội trong Quý I, Khối Giáo dục - Đào tạo đầu năm học). Các ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức hội thuộc khối thi đua của tỉnh gửi đăng ký thi đua về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh). *M*

Nội dung đăng ký thi đua: Đăng ký tổng thể các mục tiêu, chỉ tiêu thi đua và các danh hiệu thi đua của tập thể, cá nhân trong năm phấn đấu đạt được.

2. Tổ chức, chỉ đạo, triển khai thực hiện phong trào thi đua sâu rộng trên cơ sở kế hoạch đã đề ra. Hàng tháng, quý kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện.

3. Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, khen thưởng và đề nghị các cấp khen thưởng

a) Tổ chức hội nghị sơ kết sáu tháng đầu năm, đối chiếu các chỉ tiêu nhiệm vụ đã đề ra, so sánh cùng kỳ năm trước để rút ra bài học kinh nghiệm từ đó đề xuất phương hướng, giải pháp thực hiện sáu tháng cuối năm.

b) Tổ chức hội nghị tổng kết năm nhằm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm, rút ra bài học kinh nghiệm từ đó đề ra phương hướng, giải pháp thực hiện năm tới. Ghi nhận sự phấn đấu, đóng góp của tập thể, cá nhân, tổ chức đánh giá, bình xét, chấm điểm, xếp loại thi đua, lựa chọn, suy tôn, những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc để khen thưởng và đề nghị các cấp khen thưởng.

### **Chương III**

## **TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG; HOẠT ĐỘNG CỤM, KHỐI THI ĐUA; HỘI ĐỒNG THI ĐUA – KHEN THƯỞNG CÁC CẤP**

### **Mục 1**

## **TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA**

### **Điều 5. Xếp loại thi đua đối với tập thể, cá nhân**

1. Hàng năm, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác đối với các tập thể và cá nhân theo quy định hiện hành.

2. Căn cứ mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các tập thể, cá nhân để xét công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền.

### **Điều 6. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”**


Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được quy định tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013 và Điều 5, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ, cụ thể:

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;  
b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động (không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, Điều này) đạt các tiêu chuẩn sau: 

a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

b) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.”

3. Cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

4. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

5. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

6. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

7. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với một trong các trường hợp: Mới tuyển dụng dưới 10 tháng, nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên kể cả nghỉ có lý do (trừ đối tượng nghỉ thai sản), bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

8. Số lượng đề nghị công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến” do các cơ quan, đơn vị quy định.

#### **Điều 7. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”**

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2003 xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch được giao;


b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước.

2. Số lượng đề nghị công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” do các cơ quan, đơn vị quy định.

#### **Điều 8. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”**

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được quy định tại Điều 4, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ, cụ thể: 

1. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là “Lao động tiên tiến”;

b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị công nhận.

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận.

Việc xét công nhận sáng kiến thực hiện theo quy định tại Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

3. Số lượng đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” đảm bảo tỷ lệ không vượt quá 15% trên tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Đối với những cơ quan, đơn vị có các đồng chí Bí thư, Phó bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Thường trực HĐND tỉnh, Trưởng Đoàn, Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh; cấp trưởng, cấp phó đối với các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh (hoặc tương đương), các trường đại học, cao đẳng và các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh; Bí thư, Phó bí thư, Ủy viên ban Thường vụ huyện ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND các huyện, thành, thị hiện đang công tác tại các cơ quan, đơn vị trên khi xem xét danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” nếu đủ tiêu chuẩn thì xét công nhận, không tính chung vào tỷ lệ 15% của cơ quan, đơn vị.

#### **Điều 9. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”**

1. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” quy định tại Điều 14, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân 3 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”;

b) Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó có tác dụng ảnh hưởng đối với Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương và do Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương xem xét, công nhận.

Việc xét công nhận sáng kiến thực hiện theo quy định tại Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng xét đề nghị công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” là các cá nhân thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các huyện, thành phố, thị xã; các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc tỉnh (không xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” đối với các cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của các Bộ, ngành Trung ương).

3. Số lượng đề nghị công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” đảm bảo tỷ lệ không vượt quá 15% trên tổng số cá nhân đạt danh hiệu “chiến sỹ thi đua cơ sở”:

#### **Điều 10. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”**

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” quy định tại Điều 27 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003 xét tặng cho tập thể tiêu biểu được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Sáng tạo, vượt khó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Có cá nhân đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

e) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước.

2. Số lượng đề nghị tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không vượt quá 30% trên tổng số tập thể được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

3. Tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc hình thức “chuyên làm công việc khác có mức lương thấp hơn trong thời hạn tối đa 6 tháng” trở lên (nếu là đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ luật Lao động).

4. Phạm vi, đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” căn cứ vào quy định hiện hành và thực tiễn của tỉnh, gồm các đối tượng sau (theo khoản 2 Điều 6 Thông tư 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ):

a) Đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh:

Xét tặng đối với các đơn vị trực thuộc như phòng, ban, trung tâm, chi cục và tương đương.

Xét tặng đối với các tập thể trực thuộc Chi cục có quy mô lớn (hoặc tương đương); các khoa, phòng thuộc Bệnh viện hạng I, Bệnh viện hạng II (hoặc tương đương) thuộc sở Y tế.

Riêng các các ban, đơn vị trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh do Liên đoàn lao động tỉnh xét công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

b) Đối với cấp huyện: Xét tặng đối với các phòng, ban, trung tâm và tương đương; các đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; các Trường đại học, cao đẳng xét tặng đối với các đơn vị trực thuộc như: Khoa, phòng, ban, trung tâm và tương đương.

d) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh, đối tượng xét tặng gồm: Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh...(trừ các Tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước) và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng. *PH*



e) Không xét công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” đối với: Các cơ quan Đảng; Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh; các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND cấp huyện; đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; các trường đại học, cao đẳng mà thực hiện việc xếp loại thi đua hàng năm theo quy định của UBND tỉnh.

### **Điều 11. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Cờ thi đua của UBND tỉnh (thường xuyên) được quy định tại Điều 26 của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2003, xét tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của tỉnh;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc tỉnh học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Phân bổ chỉ tiêu, số lượng cờ thi đua của UBND tỉnh (thường xuyên)

a) UBND tỉnh phân bổ số lượng cờ thi đua của UBND tỉnh đối với các đơn vị theo khối, cụm thi đua tại Phụ lục số 1 kèm theo của Quy chế này.

b) Khi có thay đổi về đơn vị hành chính, bổ sung thêm hoặc bớt các đơn vị trong khối thi đua của tỉnh thì Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh phân bổ số lượng cờ phù hợp.

3. Cờ thi đua của UBND tỉnh được bình chọn, suy tôn là đơn vị dẫn đầu các cụm, khối thi đua của tỉnh; cụm, khối thi đua của ngành, địa phương.

4. Đối tượng được tặng cờ thi đua của UBND tỉnh là các tập thể thuộc cụm, khối thi đua của tỉnh và cụm, khối thi đua của ngành, địa phương; các tập thể trực thuộc Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh; các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; huyện, thành phố, thị xã; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, các trường đại học, cao đẳng.

5. Cờ thi đua của UBND tỉnh theo chuyên đề: Tùy theo các chuyên đề cụ thể, UBND tỉnh có quy định riêng cho phù hợp.

6. Trong 1 năm, cùng một thành tích không đồng thời đề nghị tặng cờ thi đua của cấp tỉnh và đề nghị tặng cờ thi đua của cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương.

## **Mục 2**

### **TIÊU CHUẨN HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 12. Một số quy định chung**

1. Mốc thời gian xét khen thưởng được thực hiện như sau: Quy định 25 năm, 10 năm, 05 năm, 02 năm để làm mốc thời gian đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo là thời gian tính từ khi quyết định khen thưởng lần trước đến thời điểm trình khen thưởng lần sau phải đủ 25 năm, 10 năm, 05 năm, 02 năm đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cụ thể.

2. Các tập thể không thuộc đối tượng xét tặng cờ thi đua, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, khi xem xét đề nghị tặng thưởng “Huân chương (quy định tại

các khoản 18, 19, 20, 21, 22, và 23 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013), thì được căn cứ vào thành tích của các đơn vị trực thuộc trực tiếp để xem xét khen thưởng, cụ thể là:

Trong khoảng thời gian xét khen thưởng (ví dụ 05 năm), hàng năm tập thể đó phải có từ 2/3 trở lên số đơn vị trực thuộc trực tiếp đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và phải đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

### **Điều 13. Giấy khen**

Giấy khen để tặng cho tập thể, cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 42, Điều 1, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và khoản 1, khoản 2 Điều 25, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ, gồm:

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;
- b) Lập được thành tích đột xuất;
- c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Giấy khen để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- b) Lập được thành tích đột xuất;
- c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.”

3. Giấy khen tặng cho gia đình gồm:

a) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội; mức và giá trị đóng góp do Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện quy định cho phù hợp.

b) Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội, mức và giá trị đóng góp do Chủ tịch UBND cấp huyện hướng dẫn cấp xã quy định cho phù hợp.

### **Điều 14. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh**

1. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau (Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ):

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do các bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương phát động hàng năm;

b) Hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở. *BT*

c) Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh;

2. Bằng khen của Chủ tịch tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 39 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013, cụ thể:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;

c) 2 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

3. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh để tặng cho gia đình (Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ): Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 250 triệu đồng trở lên đến 500 triệu đồng.

4. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã;

b) Công nhân có từ 01 sáng kiến trở lên mang lại lợi ích và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;


c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 01 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động.

5. Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho của các tập thể, cá nhân đạt thành tích trong các chuyên đề (theo đợt) trên địa bàn tỉnh:

a) Khi tiến hành sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua theo chuyên đề (theo đợt) do UBND tỉnh, hoặc các cơ quan, đơn vị phát động việc khen thưởng chủ yếu áp dụng hình thức khen thưởng của cấp phát động, các trường hợp tiêu biểu, xuất sắc mới đề nghị cấp trên khen thưởng, trường hợp đặc biệt xuất sắc mới đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ hoặc Huân chương lao động hạng ba.

b) Các tập thể, cá nhân cùng một lúc tham gia nhiều chuyên đề khác nhau và các chuyên đề cùng được tổ chức tổng kết trong 1 năm thì lựa chọn, đề nghị khen thưởng đối với một chuyên đề xuất sắc, tiêu biểu nhất (trong trường hợp cần thiết khen vượt quá một chuyên đề, phải xin ý kiến Chủ tịch UBND tỉnh quyết định).

c) Trước khi trình khen thưởng chuyên đề, các cơ quan, đơn vị thống nhất trước với Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh về nội dung, tiêu chuẩn, số lượng tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng.

d) Về đối tượng, tỷ lệ khen thưởng 

- Đối tượng: Xét tặng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc, trực tiếp tham gia triển khai thực hiện các chuyên đề, ưu tiên khen thưởng cho đối tượng trực tiếp tham mưu, người nông dân, công nhân, tập thể có tỷ lệ nữ cao; vùng đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc, vùng biên, hải đảo.

- Tỷ lệ trình khen thưởng: Người trực tiếp tham gia, thực hiện chuyên đề chiếm 70% trên tổng số danh sách đề nghị khen thưởng. Các cá nhân là Lãnh đạo tham gia chỉ đạo, cơ quan phối hợp, tuyên truyền chỉ chiếm 30% trên tổng số danh sách đề nghị khen thưởng.

e) Về số lượng khen thưởng

- Khi đề nghị khen thưởng sơ kết, tổng kết các chuyên đề, tùy theo các chuyên đề khác nhau, UBND tỉnh quy định số lượng khen thưởng như sau (trừ những chuyên đề do Chính phủ, bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương phát động có quy định số lượng cụ thể):

- Chuyên đề dài hạn 5 năm trở lên, phạm vi ảnh hưởng lớn, liên liên quan nhiều đối tượng do UBND tỉnh phát động (hoặc đơn vị được UBND tỉnh giao chủ trì phát động), số lượng đề nghị từ 8-10 tập thể và 8-10 cá nhân/1 chuyên đề.

- Những chuyên đề từ 3 năm đến dưới 5 năm, số lượng đề nghị từ 6 - 8 tập thể và 6 - 8 cá nhân/1 chuyên đề.

- Những chuyên đề ngắn hạn dưới 3 năm trở xuống, số lượng đề nghị từ 4-6 tập thể và 4 - 6 cá nhân/1 chuyên đề.

g) Không đề nghị khen thưởng khi tiến hành sơ kết, tổng kết thi hành Luật, pháp lệnh, các chương trình mục tiêu, các Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định của Trung ương Đảng, Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh ...

Trường hợp có quy định riêng của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh thì đề nghị khen thưởng nhưng số lượng khen thưởng phải thống nhất với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

6. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho các tập thể, cá nhân nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, ngày truyền thống, ngày thành lập (năm tròn, năm chẵn) của bộ, ngành Trung ương, tỉnh, các cơ quan đơn vị.

a) Trường hợp có tổ chức phát động phong trào thi đua theo đợt phấn đấu hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ, các tập thể, cá nhân đạt nhiều thành tích xuất sắc thì số lượng đề nghị khen thưởng thực hiện theo quy định tại khoản 5, điều này.

b) Trường hợp không triển khai thành phong trào thi đua, chỉ ban hành kế hoạch tổ chức kỷ niệm: Được lựa chọn, suy tôn đề nghị khen thưởng cho một số tập thể, cá nhân (có quá trình công tác lâu dài trong cơ quan, đơn vị, không vi phạm kỷ luật). Tùy quy mô, số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của từng cơ quan, đơn vị để đề nghị khen thưởng cho phù hợp, cụ thể:

- Đối với các cơ quan Đảng; Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh; các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND cấp huyện; đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; các trường đại học, cao đẳng : Số lượng được đề nghị từ 3-5 tập thể và từ 5-7 cá nhân.

- Đối với các đơn vị trực thuộc các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh; các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp

trực thuộc UBND tỉnh, các trường đại học, cao đẳng; các doanh nghiệp và tổ chức hội:

Tập thể có số lượng cán bộ, công chức, viên chức người lao động từ 20 – dưới 50 người được đề nghị từ 3- 5 trường hợp, trên 50 người, được đề nghị tối đa 7 trường hợp (bao gồm cả tập thể và cá nhân);

Tập thể có số lượng cán bộ, công chức, viên chức người lao động dưới 20 người đề nghị tối đa 3 trường hợp (bao gồm cả tập thể và cá nhân).

7. Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích trong hoạt động đối ngoại:

a) Đối tượng: Các Tổ chức, cá nhân ngoài tỉnh và ở nước ngoài.

b) Tiêu chuẩn: Có thành tích trong việc ủng hộ từ thiện, nhân đạo, xóa đói, giảm nghèo, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, ngoại giao và lĩnh vực khác...góp phần đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

8. Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích đột xuất.

Các tập thể, cá nhân đạt được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân hoặc của nhà nước (thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận) được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen kèm mức thưởng phù hợp.

9. Trong một năm không xét tặng nhiều hơn hai Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho một đối tượng (trừ khen thưởng đột xuất).

10. Khi xét khen thưởng thường xuyên, trong một năm không xét tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho tập thể, cá nhân mới được khen thưởng năm liền kề trước đó từ hình thức Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (bộ, ngành Trung ương) trở lên hoặc đang đề nghị đồng thời tặng Bằng khen của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các mức hạng (trừ các trường hợp tập thể, cá nhân của đơn vị có ngày kỷ niệm thành lập năm tròn, năm chẵn; cá nhân chuẩn bị nghỉ chế độ).

11. Các trường hợp có thành tích đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh không thuộc quy định tại quy chế này do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

#### **Điều 15. Trương các loại**

1. Trương để tặng cho tập thể nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập vào các năm chẵn (10 năm, 20 năm...) và năm tròn (15 năm, 25 năm...) hoặc nhân dịp Đại hội hết nhiệm kỳ của các tổ chức Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức Hội nhằm biểu dương, ghi nhận và động viên kết quả đạt được của tập thể trong nhiệm kỳ và trong quá trình phấn đấu, xây dựng, phát triển.

2. Đối tượng và thẩm quyền tặng Trương chung của Tỉnh ủy – Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân - Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh

a) Đối tượng:

*H*

Các cơ quan Đảng; Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh; các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND cấp huyện; đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; các trường đại học, cao đẳng; các cơ quan cấp trên cơ sở thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; các Hội cấp tỉnh.

b) Thẩm quyền:

Sau khi có văn bản đồng ý về chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (hoặc Thường trực Tỉnh ủy) mới trình Chủ tịch UBND tỉnh. Theo đó, các cơ quan, đơn vị trình hồ sơ về Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh, Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh xem, xét trình xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy (hoặc Thường trực Tỉnh ủy), sau đó tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

3. Đối tượng và thẩm quyền tặng Trưởng của UBND tỉnh

a) Đối tượng: Các đơn vị trực thuộc các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh, các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, các trường đại học, cao đẳng; các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh và đăng ký nộp thuế trên địa bàn tỉnh Nghệ An; các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (đối với các đơn vị Trung ương mà không thuộc đối tượng quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này).

b) Thẩm quyền: Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

### Mục 3

## HOẠT ĐỘNG CỤM, KHỞI THI ĐUA; HỘI ĐỒNG THI ĐUA – KHEN THƯỞNG CÁC CẤP

### Điều 16. Thành lập cụm, khởi thi đua

1. Cụm, khởi thi đua được thành lập trên cơ sở đăng ký của các Tổ chức, cơ quan, đơn vị có hoạt động chuyên môn, đảng, đoàn thể trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công việc, quy mô, loại hình UBND tỉnh quyết định thành lập cụm, khởi thi đua hoạt động trên địa bàn tỉnh Nghệ An và cử Cụm, Khởi trưởng, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh và lãnh đạo Ban Thi đua – Khen thưởng theo dõi, chỉ đạo.

2. Các cơ quan Đảng; Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh; các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND cấp huyện; đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; các trường đại học, cao đẳng thành lập cụm, khởi thi đua đối với các đơn vị trực thuộc; cử Cụm, Khởi trưởng, phân công nhiệm vụ cho các cá nhân trong Hội đồng Thi đua – Khen thưởng thuộc đơn vị mình theo dõi, chỉ đạo, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của phong trào thi đua yêu nước.

### Điều 17. Hoạt động cụm, khởi

1. Tổ chức hoạt động

a) Cụm, khởi thi đua có trách nhiệm xây dựng kế hoạch công tác, nội dung, phương pháp và tổ chức hoạt động phong trào thi đua giữa các đơn vị trong cụm, khởi theo chỉ tiêu đã đăng ký giao ước; Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình, tổ chức phát động và triển khai thực hiện phong trào thi đua.

Sơ kết, tổng kết và đề nghị Hội đồng Thi đua – Khen thưởng các cấp xét, trình UBND tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp thẩm quyền khen thưởng những đơn vị tiêu biểu xuất sắc;

b) Cụm, Khối trưởng và Cụm, Khối phó điều hành các hoạt động của cụm, khối thi đua; bộ phận giúp việc cụm, Khối trưởng do cán bộ phụ trách thi đua, khen thưởng đơn vị đó đảm nhiệm.

c) Nhiệm kỳ phụ trách của Cụm, Khối trưởng, Cụm, Khối phó là 1 năm (trừ cụm, khối mới thành lập có thể kéo dài hơn). Hàng năm, kết thúc nhiệm kỳ cụm, khối suy tôn bầu Cụm, Khối trưởng, Cụm, Khối phó và đề nghị cấp thẩm quyền công nhận cho năm tiếp theo.

2. Trách nhiệm của cụm, khối trưởng và cụm, khối phó và bộ phận giúp việc

a) Cụm, Khối trưởng chịu trách nhiệm kiểm tra việc tổ chức phong trào thi đua ở đơn vị; đánh giá, bình xét thi đua nhằm thực hiện tốt các chỉ tiêu đã đăng ký giao ước thi đua đầu năm thuộc cụm, khối thi đua mình; chỉ đạo xây dựng kế hoạch công tác, chuẩn bị nội dung và chủ trì các cuộc họp của cụm, khối thi đua theo định kỳ.

b) Cụm, Khối phó là người phối hợp và giúp việc cho Cụm, Khối trưởng thực hiện các nhiệm vụ theo quy định; thay mặt cụm, khối trưởng giải quyết những công việc của cụm, khối khi được ủy quyền. Tham gia, chỉ đạo xây dựng kế hoạch công tác, chuẩn bị nội dung của các kỳ họp cụm, khối.

c) Bộ phận giúp việc cho đơn vị cụm trưởng, khối trưởng do Cụm, Khối trưởng cử cán bộ thi đua của đơn vị mình hoặc đơn vị làm Cụm, Khối phó;

d) Các đơn vị trong cụm, khối xây dựng nội dung thi đua, tổ chức phát động các phong trào thi đua và thực hiện công tác khen thưởng sát với tình hình thực tế của đơn vị mình. Phối hợp với các đơn vị liên quan tổng hợp phong trào thi đua 6 tháng và cả năm để phục vụ cho công tác sơ kết, tổng kết, phát hiện và nhân rộng điển hình tiên tiến.

Tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ và gửi báo cáo sơ kết, tổng kết tình hình tổ chức thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng; bảng tự chấm điểm, xếp loại theo nội dung và các chỉ tiêu đã ký giao ước về đơn vị làm cụm, khối trưởng và gửi về Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh 01 bản để theo dõi, chỉ đạo.

3. Chế độ làm việc của cụm, khối thi đua

a) Các đơn vị duy trì thường xuyên việc báo cáo theo định kỳ 6 tháng và cả năm. Tổ chức sơ kết 6 tháng đầu năm và tổng kết vào cuối năm.

b) Đơn vị làm cụm, khối trưởng, cụm, khối phó (được Cụm, Khối trưởng ủy quyền) được phép sử dụng con dấu của đơn vị mình để ban hành giấy mời sinh hoạt cụm, khối và các văn bản liên quan hoạt động của cụm, khối.

c) Hàng năm, trước khi tổng kết năm, cụm, khối thi đua triển khai học tập kinh nghiệm về tổ chức phong trào thi đua giữa các đơn vị trong cụm, khối (riêng khối thi đua các trường đại học, cao đẳng tiến hành trước khi tổng kết năm học).

4. Tiêu chí chấm điểm xếp loại thi đua

Áp dụng hệ thống tiêu chí theo quy định của UBND tỉnh về xếp loại thi đua hàng năm. Ngoài ra, tùy vào nhiệm vụ chuyên môn, tính chất tương đồng của từng

cụm, khối, các cụm, khối quy định tiêu chí riêng thuộc cụm, khối mình để chấm điểm, xếp loại thi đua cho phù hợp. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ kết quả bình xét, suy tôn của cụm, khối để xem, xét công nhận.

### **Điều 18. Nội dung họp cụm, khối thi đua**

#### 1. Sơ kết 6 tháng đầu năm

a) Nội dung: Sơ kết 6 tháng đầu năm đánh giá hoạt động cụm, khối và phong trào thi đua, đề ra kế hoạch hoạt động trong 6 tháng cuối năm, kế hoạch học tập kinh nghiệm tổ chức phong trào thi đua giữa các đơn vị trong cụm, khối.

b) Thời gian tiến hành sơ kết: Đối với khối kinh tế, xã hội vào đầu tháng 7 hàng năm; đối với khối Giáo dục – Đào tạo vào khoảng từ tháng 2 – 3 hàng năm.

#### 2. Tổng kết năm

##### a) Nội dung:

Tổng kết phong trào thi đua của cụm, khối thi đua, đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng năm tới.

##### b) Các bước tiến hành:

- Trước khi tổ chức tổng kết năm, cụm, khối trưởng triển khai kế hoạch học tập kinh nghiệm tổ chức phong trào thi đua giữa các đơn vị trong cụm, khối.

- Tổ chức họp tổng kết năm:

+ Đơn vị Cụm, Khối trưởng tổng hợp kết quả hoạt động của các thành viên trong cụm, khối báo cáo về và kết quả thực tế học tập kinh nghiệm báo cáo trước hội nghị tổng kết cụm, khối.

+ Hội nghị thảo luận, góp ý, xây dựng phương hướng, nhiệm vụ năm tới.

+ Bình xét, xếp loại các đơn vị trong cụm, khối.

+ Suy tôn đề nghị đơn vị tặng cờ thi đua của UBND tỉnh và cờ thi đua của Chính phủ (số lượng cờ theo chỉ tiêu phân bổ kèm theo Quy chế này).

+ Bầu Cụm, Khối trưởng; Cụm, Khối phó năm tới.

+ Phát động phong trào thi đua và đăng ký thi đua trong năm tới.

##### c) Thời gian tổng kết năm:

- Vào đầu tháng 11 hàng năm (đối với khối kinh tế - xã hội), số liệu báo cáo của các tháng 11, 12 ước tính.

- Riêng khối thi đua các doanh nghiệp và tổ chức hội thực hiện chậm nhất vào ngày 15/2 của năm sau.

- Vào đầu tháng 7 hàng năm (đối với khối Giáo dục – Đào tạo).

### **Điều 19. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng các cấp**

1. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng các cấp (gọi tắt là Hội đồng Thi đua, Khen thưởng) được thành lập để thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng và do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập.

2. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng hoạt động theo quy chế và theo quy định của pháp luật. Căn cứ tình hình thực tiễn, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định số lượng thành viên Hội đồng, trong đó Thủ trưởng cơ quan, đơn vị là Chủ tịch; Phó Chủ tịch Hội đồng gồm: Đại diện lãnh đạo cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng, đại diện lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, tổ chức công đoàn; các thành



viên gồm đại diện tổ chức đảng, đoàn thể, một số lĩnh vực chuyên môn cần thiết của cơ quan, đơn vị.

3. Các cơ quan, đơn vị phải thành lập Hội đồng Thi đua – Khen thưởng và ban hành quy chế hoạt động, khi có thay đổi các thành viên Hội đồng các cơ quan, đơn vị kịp thời kiện toàn lại cho phù hợp.

#### **Chương IV**

### **THẨM QUYỀN XÉT DUYỆT, QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG; NGHI THỨC TRAO TẶNG, ĐÓN NHẬN KHEN THƯỞNG; TUYẾN TRÌNH, HIỆP Y KHEN THƯỞNG; THỦ TỤC HỒ SƠ, MẪU BÁO CÁO THÀNH TÍCH; THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ**

#### **Mục 1**

### **THẨM QUYỀN XÉT DUYỆT, QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG; NGHI THỨC TRAO TẶNG, ĐÓN NHẬN**

**Điều 20. Thẩm quyền quyết định khen thưởng của Chủ tịch UBND cấp xã**

1. Đối với cán bộ, công chức, công nhân, nông dân, người lao động thuộc quản lý của cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xét tặng Giấy khen đối với cán bộ, công chức, công nhân, nông dân, người lao động thuộc quản lý của cấp xã.

**Điều 21. Thẩm quyền quyết định khen thưởng của Chủ tịch UBND cấp huyện; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét tặng danh hiệu “lao động tiên tiến” đối với các cá nhân thuộc huyện quản lý (trừ cấp xã), “tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; tặng hình thức Giấy khen cho các cá nhân, tập thể theo thành tích đạt được.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh xét tặng danh hiệu “lao động tiên tiến”, “tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và tặng hình thức Giấy khen cho các tập thể, cá nhân theo thành tích đạt được.

Riêng đối với Liên đoàn Lao động tỉnh:

Xét công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” đối với các ban, đơn vị trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh; xét công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “tập thể lao động tiên tiến”, “lao động tiên tiến” đối với tập thể, cá nhân ở cơ quan Liên đoàn lao động tỉnh, Liên đoàn Lao động cấp huyện, công đoàn ngành cấp tỉnh và tương đương, “tập thể Lao động tiên tiến” cho các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công đoàn thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh quản lý trực tiếp và đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy chế của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (Điều

31, Quyết định số 1564/QĐ-TLĐ ngày 24/12/2014 của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam ban hành kèm theo Quy chế khen thưởng của tổ chức Công đoàn).

**Điều 22. Thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh**

1. Quyết định tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh, danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Tập thể lao động xuất sắc và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do tỉnh quy định; Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng các loại; xếp loại thi đua hàng năm đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và các huyện, thành, thị.

2. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước; Thống nhất, hiệp y đề nghị các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương khen thưởng.

**Điều 23. Thẩm quyền của người đứng đầu doanh nghiệp, hợp tác xã**

Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp, Chủ nhiệm hợp tác xã công nhận các danh hiệu thi đua: “tập thể lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”, “chiến sĩ thi đua cơ sở”; tặng hình thức Giấy khen.

**Điều 24. Thẩm quyền xét duyệt hồ sơ khen thưởng các cấp**

1. Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh

a) Là cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh, báo cáo kết quả thẩm định các đối tượng đề nghị khen thưởng, chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho các cuộc họp: Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy liên quan đến thi đua, khen thưởng.

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh; hồ sơ đề nghị hiệp y với Bộ, Ban, ngành Trung ương.

c) Tham mưu các văn bản khen thưởng trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp thẩm quyền khen thưởng.

2. Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các ngành, địa phương chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ khen thưởng, tham mưu quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền và đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Cụm, khối thi đua của tỉnh xếp loại, suy tôn đề nghị tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh và Cờ thi đua của Chính phủ cho đơn vị thành viên trong cụm, khối.

**Điều 25. Nghi thức trao tặng, đón nhận khen thưởng**

1. Nguyên tắc chung

a) Việc tổ chức trao tặng, đón nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải gắn với việc tổ chức kỷ niệm ngày kể lớn của đất nước, của tỉnh; kỷ niệm năm tròn, năm chẵn, ngày truyền thống của ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc gắn với hội nghị tổng kết.

b) Trước khi chuẩn bị tổ chức trao tặng, đón nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng các ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị làm việc với Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh thống nhất các nội dung liên quan, gồm: Thời

gian tổ chức, nghi thức trao tặng, mời lãnh đạo trao thưởng, mời người công bố quyết định; đăng ký với Văn phòng UBND tỉnh để bố trí lịch của Lãnh đạo tỉnh tham dự (trường hợp có khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch UBND tỉnh); gửi giấy mời đến Lãnh đạo tỉnh, đại diện cơ quan Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh, các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác phù hợp tính chất buổi lễ.

## 2. Quy định cụ thể

Nghi thức tổ chức trao tặng và đón nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ Quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài và Quy định khác của UBND tỉnh.

## Mục 2

### TUYÊN TRÌNH, HIỆP Y KHEN THƯỞNG

#### Điều 26. Tuyên trình khen thưởng

Tuyên trình khen thưởng thực hiện theo một số khoản của Điều 53 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và một số quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ, cụ thể:

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi mình quản lý.

2. Khi trình khen thưởng phải trình qua các cơ quan chuyên môn làm công tác thi đua, khen thưởng để xem xét, thẩm định, tham mưu cho Hội đồng TĐKT các cấp, Lãnh đạo UBND tỉnh, Lãnh đạo các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, Thủ trưởng các ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định khen thưởng, cụ thể:

a) Cấp tỉnh: Trình qua Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh;

b) Cấp huyện: Trình qua Phòng Nội vụ;

c) Các ngành, cơ quan, đơn vị: Phòng phụ trách công tác thi đua, khen thưởng (Thường trực Hội đồng TĐKT).

3. Các ngành, địa phương nào được UBND tỉnh giao chủ trì phát động, tổ chức các đợt thi đua theo đợt, chuyên đề, thi ngành, địa phương đó xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng, chủ trì phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để được hướng dẫn xét chọn số lượng tập thể, cá nhân và nội dung, thời gian trình khen thưởng.

4. Về tuyên trình khen của tổ chức công đoàn (thực hiện theo Điều 38, Quyết định số 1564/QĐ-TLĐ ngày 24/12/2014 của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam ban hành kèm theo Quy chế khen thưởng của tổ chức Công đoàn), cụ thể:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng đối với: Liên đoàn lao động các huyện, thành, thị; công đoàn ngành cấp tỉnh; công đoàn Viên chức cấp tỉnh; công đoàn Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam; công đoàn

Tổng công ty và tương đương; công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên. Trong đó:

Liên đoàn Lao động tỉnh xem xét đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng đối với Liên đoàn Lao động cấp huyện, Công đoàn ngành cấp tỉnh, Công đoàn Viên chức, Công đoàn Khu Kinh tế Đông Nam, Công đoàn cơ sở và cán bộ Công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách Công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan chuyên môn đồng cấp với Liên đoàn Lao động cấp huyện, Công đoàn ngành cấp tỉnh: Công đoàn Khu kinh tế Đông Nam, Công đoàn cơ sở.

Các doanh nghiệp xét trình cấp trên khen thưởng đối với công đoàn thuộc doanh nghiệp theo quy định tuyển trình đối với doanh nghiệp.

#### 5. Đối với các doanh nghiệp

a) Đối với các tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cấp nào quyết định cổ phần hoá, quyết định thành lập hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho tổ chức đó thì cấp đó trình khen thưởng.

Theo đó các doanh nghiệp trên đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo tuyển trình:

- Các doanh nghiệp thuộc cấp huyện quản lý (cấp giấy phép kinh doanh), các doanh nghiệp tư nhân khác hoạt động kinh doanh và nộp ngân sách tại Chi cục thuế huyện, thành, thị (trừ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Quỹ tín dụng nhân dân và các đơn vị thuộc thành viên của Liên minh hợp tác xã tỉnh) do cấp huyện xem xét khen thưởng, trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

- Các doanh nghiệp thuộc tỉnh (do UBND tỉnh quyết định chuyển đổi hoặc cổ phần hoá, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) thì các doanh nghiệp này trực tiếp trình Ban Thi đua – Khen thưởng xem xét, thẩm định đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

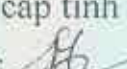
b) Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng (trừ những đơn vị là thành viên thuộc các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập).

c) Đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế đóng trên địa bàn tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

d) Đối với các doanh nghiệp là tổ chức thành viên của Liên minh hợp tác xã tỉnh (trừ Quỹ tín dụng nhân dân) do Liên minh Hợp tác xã tỉnh xét khen thưởng, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

e) Hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân thuộc Ngân hàng nhà nước tỉnh quản lý do Ngân hàng nhà nước tỉnh xét trình các cấp khen thưởng.

#### 6. Các tổ chức hội

a) Các Tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp cấp tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. 

b) Các tổ chức Hội doanh nghiệp (Hội doanh nghiệp vừa và nhỏ, Hội doanh nghiệp tiêu biểu, Hội kinh tế trang trại...) chỉ trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác hội hoặc thành tích chuyên đề, không trình khen cho các doanh nghiệp thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác sản xuất kinh doanh (khen thưởng xuyên).

### **Điều 27. Hiệp y khen thưởng**

1. Đối tượng thuộc diện lấy ý kiến hiệp y là tập thể và thủ trưởng của các cơ quan, đơn vị.

2. Các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền xét duyệt của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh:

a) Có ý kiến của Thanh tra tỉnh, Ban Tiếp công dân (thuộc Văn phòng UBND tỉnh) về nội dung khiếu nại, tố cáo liên quan đến tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;

b) Khi trình khen các tập thể, cá nhân của các đơn vị đóng trên địa bàn huyện, thành, thị có ngành dọc ở cấp tỉnh thì phải có ý kiến hiệp y của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các Hội cấp tỉnh quản lý các đơn vị trên. Việc lấy ý kiến hiệp y do Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh thực hiện.

c) Khi trình khen các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp thuộc quản lý chuyên môn của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, liên quan đến ngành nào phải có ý kiến hiệp y của ngành đó. Việc lấy ý kiến hiệp y do Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh thực hiện.

3. Các trường hợp đề nghị khen thưởng phải xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy có ý kiến trước khi trình Thủ tướng Chính phủ, gồm:

a) Khi xét đề nghị tặng, truy tặng Huân chương Lao động các hạng cho các đối tượng thuộc diện Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ quản lý.

b) Khi xét đề nghị các hình thức khen thưởng: "Huân chương Sao vàng", "Huân chương Hồ Chí Minh", "Huân chương Độc lập" (các hạng), danh hiệu "Nhà giáo nhân dân", "Thầy thuốc nhân dân", "Nghệ sỹ nhân dân", "Nghệ nhân nhân dân", danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc", danh hiệu "Anh hùng Lao động", "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân";

4. Khi trình khen cấp bộ, ngành Trung ương cho tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trên địa bàn tỉnh thì phải có hiệp y của UBND tỉnh. Việc lấy ý kiến hiệp y do các bộ, ngành Trung ương thực hiện.

5. Các trường hợp do Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương đề nghị UBND tỉnh hiệp y khi đề nghị khen thưởng bậc cao: Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập các hạng, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Anh hùng Lao động (gồm: các tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, ban, ngành Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh) thủ tục quy định như sau:

a) Đối tượng là các tập thể, cá nhân thuộc diện quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (hoặc Thường trực Tỉnh ủy quản lý) thì tổ chức họp Hội đồng TĐKT tỉnh để xem xét, biểu quyết; trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy (hoặc Thường trực Tỉnh ủy) xem xét cho ý kiến sau đó UBND tỉnh có văn bản trả lời Ban TĐKT Trung ương

(trong trường hợp không bố trí họp được, cơ quan Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh hình thức lấy phiếu bằng văn bản).

b) Đối tượng khác do Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh văn bản trả lời Ban TĐKT Trung ương.

### Mục 3

## THỦ TỤC HỒ SƠ, MẪU BÁO CÁO THÀNH TÍCH THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ

### Điều 28. Thủ tục hồ sơ, mẫu báo cáo thành tích

#### 1. Hồ sơ khen thưởng thường xuyên

(*Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, cờ thi đua của UBND tỉnh, tập thể lao động xuất sắc, chiến sỹ thi đua cấp tỉnh và Trướng các loại*), bao gồm các loại văn bản sau:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng; trích biên bản họp Hội đồng thi đua - Khen thưởng (đối với cấp trình UBND tỉnh);

Hồ sơ tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh” có kèm theo trích biên bản họp bình xét của cụm, khối thi đua.

b) Báo cáo thành tích

c) Một số yêu cầu về thủ tục hồ sơ liên quan đi kèm

- Đối các doanh nghiệp: Xác nhận việc nộp thuế (cụ thể từng năm), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ trong giai đoạn khen thưởng (1 năm, 2 năm, 5 năm, 10 năm) tùy hình thức, danh hiệu đề nghị khen thưởng; áp dụng đối với tập thể và người đứng đầu doanh nghiệp (Giám đốc, tổng giám đốc, Chủ tịch HĐQT); xác nhận việc chấp hành tốt môi trường (tùy vào lĩnh vực kinh doanh của một số doanh nghiệp cần phải xác nhận này).


- Căn cứ tiêu chuẩn của các loại danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, các hồ sơ đề nghị khen thưởng phải đảm bảo số lượng, đầy đủ các thủ tục liên quan và chứng minh được đạt tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định.

- Để kiểm tra tính xác thực của hồ sơ, báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng, khi cần thiết, cơ quan chuyên môn về thi đua, khen thưởng đi cơ sở để thẩm định hoặc yêu cầu các đơn vị cung cấp các văn bản chứng minh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có đề tài sáng kiến, đạt các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

#### 2. Hồ sơ khen thưởng theo chuyên đề (theo đợt)

a) Tờ trình, trích biên bản họp Hội đồng Thi đua – Khen thưởng (cơ quan Thường trực hoặc đơn vị chủ trì phát động phong trào thi đua); trường hợp đề nghị khen thưởng cấp tỉnh thì chỉ có Tờ trình của đơn vị (cấp trình UBND tỉnh).

b) Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng

- Trường hợp đề nghị khen thưởng cấp nhà nước phải có báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân và xác nhận của các cấp trình khen. 

- Trường hợp đề nghị khen thưởng cấp tỉnh thì có thể do cơ quan chủ trì chuyên đề tổng hợp, tóm tắt thành tích của các tập thể, cá nhân, xác nhận, chịu trách nhiệm về tính xác thực đối với thành tích đạt được của đối tượng đề nghị khen thưởng.

c) Văn bản phát động phong trào thi đua (hoặc quyết định, chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch...) ban hành nội dung chuyên đề của cấp thẩm quyền và văn bản triển khai, chỉ đạo tổ chức thực hiện của cơ quan Thường trực hoặc đơn vị được giao chỉ đạo phát động phong trào thi đua.

3. Hồ sơ khen thưởng theo thủ tục đơn giản (khen đột xuất, khen giải thưởng...)

Tờ trình đề nghị khen thưởng của đơn vị trình UBND tỉnh; danh sách đề nghị khen thưởng kèm tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân (do cơ quan, đơn vị trình UBND tỉnh thực hiện, các chứng nhận, xác nhận liên quan).

4. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với cá nhân (ngư dân, đồng bào dân tộc ít người, nông dân, công nhân...), tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất, công tác do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện đề nghị khen thưởng gồm: Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và báo cáo tóm tắt thành tích do cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị thực hiện.

5. Mẫu báo cáo thành tích

Thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ.

6. Nơi nhận hồ sơ

Báo cáo sơ kết, tổng kết, hồ sơ xếp loại thi đua của các đơn vị thuộc cụm, khối thi đua của tỉnh; Khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh trở lên nộp về Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh.

7. Số lượng hồ sơ

a) Hồ sơ đề nghị tặng Huân chương các mức, hạng mỗi loại làm thành 04 bộ bản chính (để lưu tại Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh 01 bộ; trình Trung ương 03 bộ), riêng các tập thể, cá nhân là đối tượng xin ý kiến hiệp y thì thêm 01 bộ.

b) Hồ sơ đề nghị tặng cờ thi đua của Chính phủ, chiến sỹ thi đua toàn quốc, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ làm thành 03 bộ bản chính (để lưu tại Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh 01 bộ; trình Trung ương 02 bộ), riêng các tập thể, cá nhân là đối tượng xin ý kiến hiệp y thì thêm 01 bộ.

c) Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh làm thành 02 bộ bản chính (01 bộ lưu tại Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh, 01 bộ trình UBND tỉnh).

d) Hồ sơ đề nghị tặng cờ thi đua của UBND tỉnh, chiến sỹ thi đua cấp tỉnh và các danh hiệu của tỉnh làm thành 01 bộ bản chính.

e) Hồ sơ tổng kết năm của cụm, khối thi đua, gồm các loại văn bản:

- Báo cáo tổng kết năm của cụm, khối;

- Bảng tổng hợp tự chấm điểm, xếp loại của các đơn vị; kết quả xếp loại của cụm, khối cho các đơn vị.

- Số lượng: 01 bộ.



8. Khi lập hồ sơ đề nghị khen thưởng lưu ý:

a) Trường hợp có nhiều tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng, các đơn vị làm tờ trình và biên bản họp Hội đồng Thi đua – Khen thưởng chung kèm theo báo cáo thành tích và thủ tục liên quan của các tập thể, cá nhân (không trình riêng từng tập thể, cá nhân).

b) Khi đề nghị các cấp khen thưởng khác nhau lập hồ sơ riêng (cấp tỉnh và cấp TW không trình chung trong 1 tờ trình).

c) Khi đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng bằng văn bản thì đồng thời gửi các file điện tử của tờ trình, kèm danh sách đề nghị khen thưởng về Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh.

9. Đối với các đơn vị trực thuộc Bộ, ban, ngành, Đoàn thể Trung ương thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trên địa bàn tỉnh (Công an tỉnh, Cục thống kê, Cục thuế, Ngân hàng, Kho bạc, ...) khi đề nghị khen thưởng thường xuyên, chuyên đề, đột xuất thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh cũng áp dụng tiêu chuẩn, thủ tục hồ sơ như các đơn vị thuộc tỉnh quản lý.

### **Điều 29. Thời gian nộp hồ sơ khen thưởng**

1. Khen thưởng thành tích xuất sắc đột xuất và theo chuyên đề:

a) Hồ sơ khen thưởng đột xuất: Trình các cấp khen thưởng sau khi phát sinh thành tích đột xuất và đủ thủ tục hồ sơ.

b) Hồ sơ khen thưởng theo chuyên đề: Trước khi tổng kết chuyên đề 10 ngày làm việc.

2. Khen thưởng thường xuyên

a) Đăng ký thi đua:

- Đối với các cơ quan, đơn vị khối kinh tế - xã hội nộp vào Quý I hàng năm.

- Đối với Giáo dục và Đào tạo nộp trong Quý III hàng năm.

b) Hồ sơ của Cụm, Khối thi đua, hồ sơ xếp loại thi đua hàng năm

- Hồ sơ tổng kết Cụm, Khối thi đua; Hồ sơ đề nghị xếp loại thi đua; Hồ sơ cờ thi đua của UBND tỉnh, cờ thi đua của Chính phủ đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các huyện, thành, thị nộp trước ngày 15 tháng 11.

- Hồ sơ tổng kết Cụm, Khối thi đua doanh nghiệp, tổ chức Hội nộp chậm nhất ngày 15/02.

- Hồ sơ tổng kết Cụm, Khối thi đua khối Giáo dục và Đào tạo; các trường Đại học, cao đẳng nộp chậm nhất ngày 15/7.

c) Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sỹ thi đua tỉnh”, “Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh”, “cờ thi đua của UBND tỉnh” (của các đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các huyện, thành, thị; các doanh nghiệp và tổ chức Hội):

- Khối kinh tế - xã hội nộp chậm nhất ngày 15/02.

- Khối Giáo dục và Đào tạo chậm nhất ngày 15/7.

- Lưu ý về danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc và Bằng khen, yêu cầu phải trình sớm để có kết quả khen thưởng kịp thời trao tại tổng kết năm của đơn vị

d) Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước

- Đối với Khối kinh tế - xã hội chậm nhất ngày 15/03.



- Đối với Khối Giáo dục và Đào tạo chậm nhất ngày 30/7.

3. Theo dấu bưu điện, nếu các đơn vị nộp chậm các loại hồ sơ quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều này, UBND tỉnh giao Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh tổng hợp, tham mưu xem xét trừ điểm thi đua của đơn vị đó.

#### **Chương V**

### **QUYỀN LỢI CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG; QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; MỨC THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 30. Quyền lợi của tập thể, cá nhân được khen thưởng**

1. Cá nhân, tập thể được tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được nhận giấy chứng nhận, Giấy khen, Bằng khen, khung, hiện vật, tiền thưởng hoặc hiện vật có giá trị tương đương kèm theo.

2. Cá nhân được khen thưởng tùy vào danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng sẽ được xét nâng lương sớm trước thời hạn, ưu tiên xét, cử đi nghiên cứu học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước, nước ngoài và bổ nhiệm cán bộ theo quy định.

#### **Điều 31. Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng**

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh và các huyện, thành, thị; xã phường, thị trấn được hình thành từ nguồn ngân sách Nhà nước hàng năm tối đa bằng 1,0% tổng chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc khu vực đồng bằng; mức 1,5% đối với huyện, thành, thị, xã, phường, thị trấn thuộc khu vực miền núi trong tỉnh và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của Ủy ban MTTQVN tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh được bố trí từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của đơn vị được UBND tỉnh phê duyệt hàng năm hoặc từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác.

3. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (gọi chung là các hội) tự quyết định mức trích quỹ thi đua, khen thưởng căn cứ khả năng tài chính của mình và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác. Riêng đối với các hội đặc thù theo Quyết định của UBND tỉnh, mức trích tối đa để chi khen thưởng từ nguồn ngân sách nhà nước không quá 20% tổng Quỹ tiền lương chức vụ, ngạch, bậc của số biên chế được giao.

4. Quỹ thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp được trích từ quỹ khen thưởng của đơn vị theo quy định và nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và từ các nguồn thu hợp pháp khác (theo Điểm b, c, Khoản 6, Điều 3 của Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 05 năm 2011).

5. Quỹ thi đua, khen thưởng của các hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hợp tác xã vận tải, dịch vụ ... được trích từ quỹ không chia của hợp tác xã, mức trích do hợp tác xã quyết định và nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác. *tt*

### **Điều 32. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng, mức tiền thưởng**

Quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng để chi các nội dung theo quy định tại khoản 1, 2, Điều 4 của Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/05/2011, cụ thể:

1. Nội dung chi quỹ thi đua, khen thưởng
  - a) Chi cho in ấn giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, huy hiệu, cờ thi đua, khung bằng khen, giấy khen, hộp đựng huy hiệu (gọi tắt là hiện vật khen thưởng).
  - b) Chi thưởng bằng tiền hoặc hiện vật cho các cá nhân, tập thể;
  - c) Chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua: Mức trích không quá 20% trong tổng lập Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho các nhiệm vụ sau:
    - Chi tổ chức các cuộc họp Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh và Hội đồng thi đua, khen thưởng;
    - Chi xây dựng, tổ chức và triển khai các phong trào thi đua; chi tập huấn nghiệp vụ thi đua khen thưởng; chi tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến, chi các hoạt động thi đua, khen thưởng cụm, khối.
    - Chi phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo, phong trào thi đua.
    - Một số khoản chi hợp pháp khác.

### **2. Mức tiền thưởng**

Thực hiện theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

### **Điều 33. Nguyên tắc chi tiền thưởng từ Quỹ thi đua, khen thưởng**

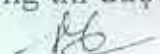
1. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh do Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh quản lý; quỹ thi đua, khen thưởng của các ngành, đơn vị, địa phương do thủ trưởng đơn vị, địa phương quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch chi trong năm.

Hàng năm, giao các đơn vị xây dựng kế hoạch, dự toán để trình cấp thẩm quyền phê duyệt kinh phí. Việc quyết toán căn cứ các khoản chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng theo quy định.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng thì chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng do cấp mình quản lý.

3. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì được nhận mức tiền thưởng cao nhất.

4. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu.

5. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng. 

6. Khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh được chỉ từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh (do Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chi trả).

7. Khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh theo chuyên đề, kinh phí khen thưởng do Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chi trả đến đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện phong trào thi đua chuyên đề (đơn vị trình UBND tỉnh).

## **Chương VI** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 34. Trách nhiệm tổ chức, cá nhân**

1. Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trên địa bàn tỉnh. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện chức năng tư vấn giúp Chủ tịch UBND tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng trong toàn tỉnh.

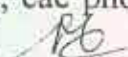
2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm tư vấn giúp Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng; kiểm tra, chỉ đạo theo dõi việc tổ chức phát động các phong trào thi đua thuộc cụm, khối thi đua của tỉnh. Phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng đề nghị khen thưởng.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh làm nhiệm vụ là Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, có trách nhiệm xét duyệt, thẩm định hồ sơ khen thưởng, tham mưu giúp UBND tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn.

4. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp cùng cấp để tổ chức phong trào thi đua, nhân rộng phong trào thi đua trong phạm vi mình quản lý.

5. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của ngành, địa phương, đơn vị có trách nhiệm giúp Thủ trưởng các ngành, Chủ tịch UBND các địa phương, đơn vị tổ chức phát động các phong trào thi đua trong phạm vi ngành, địa phương, đơn vị mình; nghiên cứu, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế. Phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận:

a) Tổ chức và phối hợp với các cơ quan Nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến. 

b) Phối hợp thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tham gia với các cơ quan chức năng để tuyên truyền, động viên mọi cá nhân tham gia phong trào thi đua và thực hiện tốt chính sách khen thưởng.

c) Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản pháp luật có liên quan.

7. Các cơ quan thông tin đại chúng thuộc tỉnh có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền công tác thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt. Phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

8. Trên cơ sở Quy chế của tỉnh, các đơn vị ban hành quy chế về công tác thi đua, khen thưởng đối với đơn vị mình cho phù hợp.

#### **Điều 35. Trách nhiệm thi hành**

Giao Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tổ chức thực hiện nghiêm Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh. /



TM ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Đường

**PHỤ LỤC SỐ 1: BẢNG PHÂN BỐ CHỈ TIÊU CỜ THI ĐUA CỦA UBND TỈNH  
VÀ CỜ THI ĐUA CỦA CHÍNH PHỦ HÀNG NĂM**

*(Kèm theo Quyết định số 63 /2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2015  
của UBND tỉnh)*

**1. Chỉ tiêu đối đa cờ Thi đua của UBND tỉnh, cờ Thi đua của Chính phủ**

<b>TT</b>	<b>Khối, Cụm thi đua</b>	<b>Chỉ tiêu cờ thi đua của UBND tỉnh</b>	<b>Chỉ tiêu cờ thi đua của Chính phủ</b>
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>
1	Khối các ngành kinh tế	03 cờ	01 cờ
2	Khối tổng hợp và cơ quan khác	03 cờ	01 cờ
3	Khối nội chính – Lực lượng vũ trang	03 cờ	(dành cho các đơn vị thuộc tỉnh)
4	Khối các cơ quan Đảng	03 cờ	01 cờ
5	Khối văn hoá - xã hội	02 cờ	01 cờ
6	Khối Mặt trận và các đoàn thể	02 cờ	01 cờ
7	Cụm TP.Vinh, TX.Cửa Lò và các huyện lân cận	02 cờ	02 cờ
8	Cụm các huyện miền núi tuyến đường 7	02 cờ	(mỗi cụm đề nghị 01 tập thể để Hội đồng TĐKT tỉnh xét chọn 02 cờ Chính phủ)
9	Cụm các huyện miền núi tuyến đường 48	02 cờ	
10	Cụm các huyện đồng bằng	02 cờ	
11	Các xã, phường, thị trấn, Trong đó:	27 cờ	04 cờ
a	Các huyện, thành, thị có từ 30 xã, phường, thị trấn trở lên (Thanh Chương, Đô Lương, Yên Thành, Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Nghi Lộc)	12 cờ (mỗi huyện, thành, thị chọn 02 tập thể)	4 cờ
b	Các huyện, thành, thị có từ 29 xã, phường, thị trấn trở xuống	15 cờ (mỗi huyện, thành, thị chọn 01 tập thể)	
12	Các phòng, ban, đơn vị thuộc các huyện, thành, thị	21 cờ (mỗi huyện, thành, thị chọn 01 đơn vị)	
13	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh Trong đó:	71 cờ	02 cờ
a	Các ngành có từ 30 đơn vị trực thuộc trở lên: 10 đơn vị (gồm: sở Lao động TB-XH, Liên minh HTX tỉnh, Công an tỉnh, BCH Quân sự tỉnh, BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh, Cục thuế, Tòa án ND tỉnh, Viện Kiểm sát ND tỉnh, Bảo hiểm XH tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh)	20 cờ (mỗi ngành chọn 02 đơn vị)	

TT	Khối, Cụm thi đua	Chỉ tiêu cờ thi đua của UBND tỉnh	Chỉ tiêu cờ thi đua của Chính phủ
(1)	(2)	(3)	(4)
b	Các ngành có từ 29 đơn vị trực thuộc trở xuống: 45 đơn vị	45 cờ (mỗi ngành chọn 01 đơn vị)	
c	Các đơn vị trực thuộc sở Y tế và sở Nông nghiệp&PTNT	06 cờ (mỗi sở lựa chọn 3 đơn vị)	02 cờ (mỗi sở lựa chọn 01 đơn vị)
<b>14</b>	<b>Khối Giáo dục và Đào tạo, Trong đó:</b>	<b>35 cờ</b>	<b>5 cờ</b>
a	Các Trường đại học, cao đẳng	02 cờ	01 cờ
b	Các Trường THPT, Trung tâm GDTX, Trường Trung cấp thuộc Sở Giáo dục - Đào tạo	07 cờ	01 cờ
c	Phòng Giáo dục – Đào tạo; các trường THCS, Tiểu học, Mầm non, chia ra:	26 cờ	03 cờ
-	Phòng Giáo dục – Đào tạo	2	
-	Khối các Trường Trung học cơ sở	8	1cờ
-	Khối các Trường Tiểu học	8	1cờ
-	Khối các Trường Mầm non	8	1cờ
<b>15</b>	<b>Khối thi đua doanh nghiệp, Trong đó:</b>	<b>27 cờ</b>	<b>04 cờ</b>
a	Khối doanh nghiệp có từ 15 doanh nghiệp trở lên (gồm 3 khối)	9 cờ (mỗi khối chọn 03 đơn vị)	04 cờ (mỗi khối đề nghị 01 đơn vị để Hội đồng TĐKT tỉnh xét chọn 04 cờ Chính phủ)
b	Khối doanh nghiệp có từ 9 – 14 doanh nghiệp (gồm 8 khối)	16 cờ (mỗi khối chọn 02 đơn vị)	
c	Khối doanh nghiệp có từ 8 doanh nghiệp trở xuống (gồm 2 khối)	02 cờ (mỗi khối chọn 01 đơn vị)	
<b>16</b>	<b>Khối thi đua các tổ chức hội, Trong đó:</b>	<b>04 cờ</b>	<b>01 cờ</b>
a	Khối các tổ chức xã hội - nghề nghiệp	02 cờ	01 cờ (mỗi khối đề nghị 01 đơn vị để Hội đồng TĐKT tỉnh xét chọn 01 cờ Chính phủ)
b	Khối các tổ chức xã hội	02 cờ	
*	<b>Tổng số chỉ tiêu cờ:</b>	<b>209 cờ</b>	<b>23 cờ</b> (chiếm 11 % cờ thi đua của UBND tỉnh)

## 2. Hướng dẫn bình xét

### a) Cờ thi đua của Chính phủ

- Các tập thể được đề nghị tặng cờ thi đua của UBND tỉnh trước, sau đó suy tôn đề nghị tặng cờ thi đua của Chính phủ.

- Đối với Khối tổng hợp và cơ quan khác; Khối Nội chính – Lực lượng vũ trang:

+ Mỗi khối giới thiệu 01 đơn vị, sau đó Hội đồng TĐKT tỉnh sẽ xét chọn 01 đơn vị (trong 2 đơn vị đó) để đề nghị tặng cờ thi đua của Chính phủ.

+ Chỉ tiêu cờ thi đua của Chính phủ của hai khối trên chỉ xét đối với các ngành thuộc tỉnh còn các đơn vị thuộc ngành dọc các Bộ, ngành Trung ương do các Bộ, ngành, Trung ương xét tặng cờ thi đua cấp bộ sau đó suy tôn đề nghị tặng cờ thi đua của Chính phủ.

- Đối với 4 cụm các huyện, thành thị: Mỗi cụm giới thiệu 01 đơn vị, sau đó Hội đồng TĐKT tỉnh sẽ xét chọn 02 đơn vị (trong 4 đơn vị đó) để đề nghị tặng cờ thi đua của Chính phủ.

- Đối với các đơn vị trực thuộc sở Y tế và sở Nông nghiệp & PTNT: Mỗi sở giới thiệu 01 đơn vị để đề nghị tặng cờ thi đua của Chính phủ. Các đơn vị được đề nghị tặng cờ thi đua của Chính phủ phải trình qua Khối thi đua của tỉnh tương ứng để được xem xét suy tôn.

- Đối với nhóm phòng Giáo dục – Đào tạo; các trường THCS, Tiểu học, Mầm non:

+ Phòng Giáo dục và Đào tạo: Không phân bổ chỉ tiêu cờ thi đua của Chính phủ (giống như các Phòng, ban, đơn vị trực thuộc huyện, ngành).

+ Mỗi cụm các huyện, thành, thị giới thiệu 01 đơn vị (trong 3 cấp học: THCS, TH, Mầm non), sau đó Hội đồng TĐKT tỉnh sẽ xét chọn 03 đơn vị dẫn đầu 3 cấp học (trong 4 đơn vị đó) để đề nghị tặng cờ thi đua của Chính phủ.

- Đối với các doanh nghiệp: Có 13 khối, mỗi khối giới thiệu 01 đơn vị, sau đó Hội đồng TĐKT tỉnh sẽ xét chọn 04 đơn vị (trong 13 đơn vị đó) để đề nghị tặng cờ thi đua của Chính phủ.

- Đối với các tổ chức Hội: Có 2 khối, mỗi khối giới thiệu 01 đơn vị, sau đó Hội đồng TĐKT tỉnh sẽ xét chọn 01 đơn vị (trong 2 đơn vị) để đề nghị tặng cờ thi đua của Chính phủ.

### b) Cờ thi đua của UBND tỉnh

- Các cụm, khối thi đua lựa chọn, suy tôn đúng số lượng phân bổ, đảm bảo cơ cấu ngành nghề, lĩnh vực, tránh trùng nhau về đối tượng, mô hình, loại hình.

- Đối với nhóm phòng Giáo dục – Đào tạo; các trường THCS, Tiểu học, Mầm non:

+ Mỗi cụm các huyện, thành, thị giới thiệu: 01 Phòng Giáo dục, sau đó Hội đồng TĐKT tỉnh sẽ xét chọn 2 đơn vị (trong 04 đơn vị được đề nghị) để đề nghị tặng cờ thi đua của UBND tỉnh.

+ Mỗi cụm các huyện, thành, thị được đề nghị 02 đơn vị tặng cờ thi đua của UBND tỉnh đối với mỗi cấp học: Trung học cơ sở, tiểu học và Mầm non. / *HB*